GIAO THOA VĂN HÓA KHEN VÀ TIẾP NHẬN LỜI KHEN GIỮA SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI VÀ SINH VIÊN VIỆT NAM

ĐINH THỊ BÉ
Trường Đại học Điện lực

Nhận bài ngày 08/3/2025. Sửa chữa xong 17/3/2025. Duyệt đăng 25/3/2025.

Abstract

In the context of today's global integration, language teaching and learning have increasingly focused on communicative competence. However, in practice, language learners often lack fluency because they tend to concentrate more on grammar learning. Therefore, this study aims to broaden learners' knowledge of language use and enhance their understanding of the cultures of English-speaking countries. The findings can enrich language learners' repertoire regarding how to express compliments appropriately in specific contexts, helping them improve their understanding of the meaning, social values, and cultural significance of English communication across different cultures worldwide.

Keywords: *Cross-cultural communication, complimenting, English, Vietnamese, students.*

1. Đặt vấn đề

Ngày nay để kết nối giữa các quốc gia trên thế giới với nhau, ngôn ngữ đã trở thành một vai trò hết sức quan trọng. Bên cạnh đó, trong môi trường học tập đa văn hóa hiện nay, việc sinh viên (SV) từ các nền văn hóa khác nhau giao tiếp với nhau đã trở thành một phần không thể thiếu của giáo dục đại học. Một trong những biểu hiện rõ nét của sự giao thoa văn hóa là cách mà SV từ các quốc gia khác nhau tiếp nhận các lời khen trong quá trình giao tiếp, đặc biệt khi học Tiếng Anh trong môi trường học tập quốc tế. Ở Việt Nam, nơi có sự đa dạng về SV nước ngoài và SV Việt Nam càng thể hiện rõ rệt và đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng môi trường học tập hòa nhập. Trong phạm vi bài viết này sẽ tìm hiểu sự khác biệt về giao thoa văn hóa trong tiếp nhận lời khen giữa SV nước ngoài và SV Việt Nam, đặc biệt khi họ giao tiếp bằng tiếng Anh. Chúng ta sẽ phân tích sự khác biệt trong cách tiếp nhận lời khen giữa các nền văn hóa khác nhau, so sánh sự khác biệt trong cách sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh khi nhận lời khen, làm rõ các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến phản ứng của SV trong những tình huống này.

2. Khái niệm về ngôn ngữ, lời khen và giao thoa văn hóa

2.1. Ngôn ngữ

"Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu âm thanh đặc biệt, là phương tiện giao tiếp cơ bản và quan trọng nhất của các thành viên trong một cộng đồng người; ngôn ngữ đồng thời cũng là phương tiện phát triển tư duy. Truyền đạt truyền thống văn hóa - lịch sử từ thế hệ này sang thế hệ khác" (Nguyễn Thiện Giáp - Giáo trình Ngôn ngữ học, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 28). Con người khác với con vật ở chỗ là con người có ngôn ngữ. Ngôn ngữ của con người không phải là một hiện tượng tự nhiên, cũng không phải là sự phản xạ có tính bản năng như phản xạ có điều kiện ở một số sinh vật. Nó cũng không phải là hiện tượng có tính cá nhân, Tuy rằng ngôn ngữ có liên quan tới mỗi cá nhân con người nhưng lại không lệ thuộc vào cá nhân con người. Ngôn ngữ là sản phẩm của tập thể, nó tồn tại và phát triển với sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người [1].

Email: Bedt@epu.edu.vn

2.2. Khái niệm "khen"

Khen là hành vi phổ quát của nhân loại, theo đó hành vi ngôn ngữ khen cũng là một trong những hành vi phổ quát cho mọi ngôn ngữ. Theo Holmes, khen là hành vi ngôn ngữ thể hiện một cách rõ ràng hay ngầm ẩn sự đánh giá cao đối với ai đó về tính cách tài sản, kỹ năng…mà cả người nói lẫn người nghe đều công nhận mặt tích cực đó. Weirzbicka cho rằng, lời khen là sự kết hợp của những đánh giá tích cực, những cảm xúc thú vị, tình cảm ngầm chứa và mong muốn làm người khác hài lòng. Tuy nhiên, vì là "một kỹ năng ngôn ngữ phức tạp (Homles) nên thực tế cho thấy nhiều khi hành vi khen có một "góc tối" và có nguy cơ trở thành hành vi. Hành vi khen có những mục đích, chức năng ngôn ngữ khác nhau.

Lời khen là một công cụ giao tiếp xã hội quan trọng, thường được sử dụng để thể hiện sự tán thưởng, ngưỡng mộ đối với một hành động hay thành tựu nào đó của người khác. Lời khen không chỉ là sự công nhận thành quả mà còn là cách thức để xây dựng mối quan hệ và thúc đẩy lòng tự tin trong giao tiếp xã hội. Tuy nhiên, cách thức và thái độ tiếp nhận lời khen giữa các nền văn hóa có thể rất khác biệt. Điều này đặc biệt rõ ràng khi SV quốc tế tiếp nhận lời khen bằng tiếng Anh và SV Việt Nam tiếp nhận lời khen bằng tiếng Việt.

2.3. Văn hóa

Là một khái niệm mang nội hàm rộng với rất nhiều cách hiểu khác nhau, liên quan đến mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần của con người. Trong nhân loại học và xã hội học, khái niệm văn hóa được đề cập đến theo một nghĩa rộng nhất. Văn hóa bao gồm tất cả mọi thứ vốn là một bộ phận trong đời sống con người [2]. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh "*Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức,pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa".* Theo nhà nhân loại học người Anh Edwward Burnett Taylor (1832-1917) đã định nghĩa văn hóa như sau: *"Văn hóa hay văn minh hiểu theo nghĩa rộng trong dân tộc là một tổng thể phức tạp gồm kiến thức, đức tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục và bất cứ những khả năng tập quán nào mà con người thu nhận được với tư cách là một thành viên của xã hội"*. Như vậy, văn hóa có thể hiểu là sản phẩm của loài người, văn hóa được tạo ra và phát triển trong mối quan hệ giữa con người và xã hội.

2.4. Giao văn hóa

Giao văn hóa là sự tương tác giữa các nhóm xã hội (Social groups), giữa các tiểu văn hóa (Sub-Cultures) và giữa các nền văn hóa (Cultures) khác nhau. Sự tương tác (hay giao thoa) văn hóa này được thể hiện ở các kiểu loại sau: - Tương tác nội văn hóa (Intra-Cultural Interaction): được hiểu là quá trình tương tác giữa những đối tác sống trong cùng một quốc gia và có cung một phông nền văn hóa (giữa nông dân với nông dân); (giữa SV với SV); - Tương tác liên văn hóa (Inter-Cultural Interaction) được định nghĩa là quá trình tương tác giữa đối tác sống trong cùng một quốc gia (Ví dụ: Tương tác giữa người kinh và người H-Mông); - Tương tác giao văn hóa (Cross-Cultural Interaction) được xác định là quá trình tương tác những đối tác sống ở các quốc gia khác nhau và thuộc về các nền văn hóa khác nhau (Ví dụ tương tác giữa văn hóa người Anh và người Việt); - Tương tác xuyên văn hóa (Trans-Cultural Interaction) được hiểu là quá trình tương tác giữa những đối tác sống trong cùng một quốc gia hoặc ở các quốc gia khác nhau nhưng có những phông văn hóa khác nhau. Quá trình tương tác này chứng kiến một ảnh hưởng văn hóa rõ rệt mang tính áp đặt (với các mức độ khác nhau) của đối tác này lên đối tác kia [3].

Sốc văn hóa là một hiện tượng bao gồm từ những sự khó chịu nho nhỏ đến những khủng hoảng tâm lý sâu sắc khi tiếp xúc với những người đến từ các nền văn hóa khác nhau.

3. Nội dung lời khen

Trong đời sống hằng ngày của con người, khen cùng với chê làm thành một trong những cặp phổ biến về ứng xử giao tiếp. Đối với khen, điều quan trọng là hiệu quả của chúng trong mối tương tác

giữa người khen và người tiếp nhận lời khen: từ phía người khen, đó là khen ai, khen ở đâu, khen cái gì, khen lúc nào và khen như thế nào, từ phía người được khen, đó là thái độ tiếp nhận và cách tiếp nhận lời khen. Tất cả tương tác ấy được biểu thị chủ yếu bằng ngôn từ. Nội dung khen thường tập trung vào các lĩnh vực sau [4]: - Khen về ngoại hình nói chung: khen đẹp trai, điển trai (đối với nam), đẹp, xinh đẹp, xinh gái (đối với nữ); - Khen về khuôn mặt: Thường lời khen này hay dành cho nữ giới: khuôn mặt xinh xắn, bầu bĩnh, dễ thương, ưa nhìn, ấn tượng…; - Khen về dáng: dáng chuẩn, dang thon, cao ráo, cao to, eo ót, khỏe khoắn, vạm vỡ, chắc chắn; - Khen về da: da trắng, da mịn, da hồng hào, săn chắc; - Khen nụ cười: nụ cười xinh tươi, duyên, rạng rỡ; - Khen kiểu tóc: đẹp, trẻ trung, hiện đại, phong cách; - Khen môi: đôi môi xinh, chúm chím; - Khen mắt: đôi mắt to tròn, mắt bồ câu, mắt sáng; - Khen tay: đôi tay mềm mại, trắng, thon, khéo, đảm đang; - Khen phong thái: phong độ, lịch lãm, lịch thiệp, nhẹ nhàng, dịu dàng, nữ tính; - Khen trang phục: trẻ, đẹp, lịch sự, nổi, tôn dáng, ấn tượng, bắt mắt, lịch lãm; - Khen tướng mạo: nam tính, nữ tính, hiền dịu; - Khen giọng nói: ngọt ngào, dịu dàng, nhẹ nhàng, dễ thương, ấm, hay, dễ nghe.

4. Sự khác nhau trong tiếp nhận lời khen của sinh viên nước ngoài và sinh viên Việt Nam

Mỗi nền văn hóa có những quy chuẩn riêng về cách thức tiếp nhận lời khen. Ở các quốc gia phương Tây, lời khen thường được coi là sự công nhận giá trị cá nhân và được tiếp nhận một cách cởi mở và tự hào. Ngược lại, ở nhiều nền văn hóa phương Đông, đặc biệt là ở Việt Nam, sự khiêm tốn và tránh thể hiện sự tự mãn là những giá trị được đề cao. Do đó, lời khen có thể khiến người nhận cảm thấy ngượng ngùng hoặc không thoải mái.

***4.1. Tiếp nhận lời khen của sinh viên* nước ngoài**

Khi nhận lời khen trong tiếng Anh, SV quốc tế thường có xu hướng phản ứng một cách trực tiếp và thể hiện sự cảm kích một cách rõ ràng. Cách phản ứng này không phải là quá khiêm tốn mà thể hiện sự tự tin và thái độ tích cực đối với lời khen nhận được.

Một số ví dụ điển hình khi tiếp nhận lời khen của SV nước ngoài

"Thank you! I really appreciate it" (Cảm ơn bạn! Tôi thật sự rất trân trọng điều đó).

"That means a lot to me. Thank you!" (Điều đó có ý nghĩa rất lớn đối với tôi. Cảm ơn bạn!).

"I'm glad you think so! Thanks!" (Tôi rất vui vì bạn nghĩ vậy! Cảm ơn bạn!).

Những câu nói này cho thấy sự thể hiện, sự cảm ơn rõ ràng, kèm theo một chút tự hào và sự vui mừng khi nhận được lời khen. SV quốc tế, đặc biệt là từ các quốc gia phương Tây không ngần ngại thể hiện sự vui mừng và biết ơn một cách trực tiếp, điều này phản ánh văn hóa của các quốc gia có xu hướng khuyến khích sự thể hiện cá nhân và tự tin [5]. Ở các nền văn hóa phương Tây như Mỹ, Anh và các quốc gia châu Âu, việc nhận lời khen được xem là điều hết sức tự nhiên. Người nhận lời khen thường cảm thấy vui mừng và có xu hướng thể hiện sự tự hào về thành tích của mình. Đặc biệt trong môi trường học tập, lời khen là một phần của động lực thúc đẩy SV tiếp tục phát huy những nỗ lực cá nhân. Chẳng hạn, một SV Mỹ có thể nhận lời khen về thành tích học tập với một phản ứng rất tự nhiên như: "Thank you! I worked really hard for this" (Cảm ơn! Tôi đã làm việc rất chăm chỉ cho điều này). Câu trả lời này thể hiện sự tự hào và sự sẵn lòng chia sẻ về công sức đã bỏ ra. SV quốc tế khi giao tiếp bằng tiếng Anh thường có xu hướng tiếp nhận lời khen một cách thẳng thắn và thể hiện sự cảm ơn rõ ràng. Điều này phản ánh sự ảnh hưởng của các nền văn hóa phương Tây, nơi mà việc khen ngợi và thể hiện sự tự hào về bản thân là điều hết sức bình thường. Các SV quốc tế có thể tiếp nhận lời khen mà không cảm thấy xấu hổ hay e ngại.

Ví dụ, khi một giáo viên khen một SV quốc tế vì bài thuyết trình xuất sắc, SV đó có thể trả lời bằng một câu như:

"Thank you! I've worked hard for this presentation and I'm glad it went well!" (Cảm ơn! Tôi đã làm việc chăm chỉ cho bài thuyết trình này và tôi rất vui vì nó đã thành công!). Đây là một phản ứng mang tính tự tin, không có sự giảm nhẹ hay phủ nhận lời khen. Văn hóa phương Tây, đặc biệt là ở các quốc gia như Mỹ, Anh, Canada và Úc, khuyến khích việc thể hiện sự tự tin và tự hào khi nhận được lời khen.

Các câu nói nổi tiếng của những người nổi tiếng từ các quốc gia này có thể giúp minh họa cho thái độ tự tin trong việc tiếp nhận lời khen [6].

Ví dụ, Oprah Winfrey, một trong những người phụ nữ quyền lực nhất trong ngành truyền thông, từng nói:

"I know for sure that what we dwell on is who we become" (Tôi biết chắc chắn rằng những gì chúng ta suy nghĩ sẽ tạo nên con người chúng ta).

Câu nói này thể hiện sự tự tin và niềm tin vào bản thân và nó phản ánh cách mà người phương Tây tiếp nhận và xử lý lời khen với sự tự tin và không ngần ngại.

SV nước ngoài, đặc biệt là từ các quốc gia phương Tây thường có thái độ cởi mở và tự hào khi nhận lời khen. Họ không ngần ngại bày tỏ sự vui mừng và tự tin khi nhận được sự công nhận về thành tích của mình. Điều này phản ánh quan điểm cá nhân và sự tự tin trong những nền văn hóa phương Tây, nơi việc thể hiện bản thân và thành công cá nhân là một phần quan trọng của xã hội.

Ví dụ, nếu một SV Anh nhận lời khen từ giảng viên về bài viết xuất sắc, họ có thể phản ứng như sau: "Thank you, I'm glad you liked it! It took me quite a bit of time, but it was worth it" (Cảm ơn, tôi vui vì bạn thích nó! Tôi đã dành khá nhiều thời gian cho nó nhưng nó thật sự đáng giá). Câu trả lời này không chỉ là sự cảm ơn mà còn là một cách thể hiện sự tự hào và nỗ lực cá nhân.

4.2. Tiếp nhận lời khen của sinh viên Việt Nam

Ngược lại, trong văn hóa Việt Nam, cách tiếp nhận lời khen có phần khiêm tốn và đôi khi có thể có xu hướng từ chối hoặc giảm nhẹ lời khen nhận được. Đây là một phần trong sự thể hiện tính cách của người Việt, nơi khiêm tốn và nhún nhường được coi là những phẩm chất đáng quý.

Một số câu trả lời khi tiếp nhận lời khen bằng tiếng Việt có thể là:

"Cảm ơn anh/chị nhưng tôi vẫn còn phải cố gắng nhiều hơn".

"Tôi không xứng đáng với lời khen này".

"Cảm ơn nhưng tôi nghĩ mình vẫn cần cải thiện".

Những phản ứng này thể hiện sự khiêm tốn và thận trọng, đồng thời cũng thể hiện sự tôn trọng đối với người đã đưa ra lời khen. Điều này bắt nguồn từ những giá trị văn hóa của người Việt, trong đó khiêm tốn và sự tự nhận thức về khả năng cá nhân rất quan trọng. Ở Việt Nam, sự khiêm tốn được coi là một đức tính quý báu. Vì vậy, khi nhận được lời khen, SV Việt Nam thường có xu hướng từ chối hoặc giảm bớt giá trị của lời khen đó. Họ có thể cảm thấy rằng việc quá tự hào về thành tích của mình là một sự vi phạm các giá trị văn hóa về khiêm tốn.

Ví dụ, nếu một giảng viên khen ngợi một SV Việt Nam về bài thuyết trình xuất sắc của mình, SV này có thể trả lời một cách khiêm tốn như: "Cảm ơn thầy, nhưng em chỉ cố gắng hết sức thôi". Câu trả lời này thể hiện sự khiêm tốn, một phẩm chất mà SV Việt Nam rất coi trọng trong văn hóa giao tiếp.

Ngược lại, SV Việt Nam có thể có xu hướng phản ứng khác khi nhận lời khen, họ có thể cảm thấy ngượng ngùng hoặc thậm chí không biết phải nói gì khi nhận được lời khen, đôi khi sẽ giảm nhẹ thành tích của bản thân. Đây là đặc điểm của văn hóa Á Đông, nơi mà sự khiêm tốn và tôn trọng người khác được coi trọng hơn.

Khi một giáo viên khen ngợi một SV Việt Nam vì sự nỗ lực trong học tập, SV có thể trả lời bằng các câu như:

"Cảm ơn thầy/cô, nhưng em vẫn còn phải cố gắng nhiều hơn".

"Em chỉ làm tốt phần của mình thôi, còn nhiều bạn khác làm tốt hơn".

Những câu trả lời này thể hiện sự khiêm tốn, đồng thời cũng thể hiện sự tôn trọng đối với người đã đưa ra lời khen và đối với những người bạn khác trong lớp.

Ở các quốc gia phương Đông như Việt Nam, việc tiếp nhận lời khen thường đi kèm với sự khiêm tốn và đôi khi là sự từ chối hoặc giảm nhẹ thành tích của bản thân. Câu nói nổi tiếng của Đức Phật: "Một người khiêm tốn như nước, có thể chảy qua mọi vật mà không bị chặn lại".

Câu nói này phản ánh sự trân trọng trong việc giữ thái độ khiêm tốn trong giao tiếp và cũng là một phần trong cách tiếp nhận lời khen của người Việt. Ngược lại, SV Việt Nam thường có thái độ khiêm tốn khi nhận lời khen. Mặc dù họ có thể cảm thấy vui mừng nhưng họ sẽ không trực tiếp thể hiện sự tự hào về thành tích của mình. Họ có xu hướng phủ nhận lời khen hoặc thể hiện sự cảm ơn mà không làm nổi bật giá trị cá nhân quá mức. Chẳng hạn, khi nhận lời khen về bài thuyết trình, một SV Việt Nam có thể trả lời như sau: "Cảm ơn thầy, em chỉ làm theo những gì được học, cũng may là em có thể làm tốt". Câu trả lời này thể hiện sự khiêm tốn và không làm cho người khác cảm thấy rằng họ quá tự cao [7].

4.3. Sự khác biệt trong cách tiếp nhận lời khen khi giao tiếp bằng tiếng Anh

Một yếu tố quan trọng trong sự giao thoa văn hóa này là ngôn ngữ sử dụng trong việc tiếp nhận lời khen. Khi giao tiếp bằng tiếng Anh, SV nước ngoài có thể cảm thấy tự nhiên hơn trong việc bày tỏ cảm xúc của mình do sự quen thuộc và thói quen trong cách giao tiếp. Tuy nhiên, SV Việt Nam, dù học Tiếng Anh vẫn có thể mang những yếu tố văn hóa Việt Nam vào cách tiếp nhận lời khen, thể hiện sự ngượng ngùng hoặc khiêm tốn quá mức trong khi giao tiếp. Ví dụ, khi một SV Việt Nam nhận lời khen bằng tiếng Anh, họ có thể nói: "Thank you, but I think I could have done better" (Cảm ơn, nhưng tôi nghĩ tôi có thể làm tốt hơn). Đây là một sự pha trộn giữa sự khiêm tốn trong văn hóa Việt Nam và sự giao tiếp bằng tiếng Anh.

4.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự khác biệt trong tiếp nhận lời khen

4.4.1. Văn hóa tôn trọng và khiêm tốn của Việt Nam

Trong xã hội Việt Nam, sự tôn trọng và khiêm tốn luôn được đánh giá cao. Việc thể hiện sự tự hào về thành tích cá nhân có thể bị xem là thiếu tôn trọng, đặc biệt khi người nhận là người lớn tuổi hoặc có vai trò trong xã hội. Điều này tạo ra một sự rào cản trong việc nhận lời khen, nhất là trong bối cảnh học tập tại trường đại học. Sự tôn vinh thành công cá nhân trong văn hóa phương Tây, ngược lại, ở nhiều quốc gia phương Tây, sự tôn vinh thành công cá nhân được coi là một phần quan trọng của xã hội. Lời khen không chỉ là sự công nhận mà còn là một cách để thúc đẩy sự tự tin và khuyến khích sự phát triển cá nhân.

4.4.2. Giới tính

Về mức độ khen và tiếp nhận lời khen của mỗi giới khác nhau. Phụ nữ có xu hướng thực hiện hành vi khen nhiều hơn nam giới và dùng lời khen đối với người cùng giới nhiều hơn. Vì xuất phát từ những mục đích sử dụng lời khen khác nhau. Biểu cảm khi phụ nữ tiếp nhận lời khen cũng có nhiều cảm xúc khác nhau, vui mừng, ngại ngùng, nhiều khi đáp lại bằng một hành động cử chỉ là một nụ cười, ánh mắt thay cho việc sử dụng ngôn ngữ. Sự khác nhau về độ tuổi cũng ảnh hưởng đến việc sử dụng những cách thức khen và tiếp nhận lời khen khác nhau. Ví dụ như người lớn tuổi thường khen một cách gián tiếp, nhẹ nhàng và cách đáp lại cũng rất tinh tế. Giới trẻ thích khen trực tiếp và cách đáp lại lời khen cũng mạnh mẽ , ngắn gọn và súc tích, đơn giản hơn.

4.4.3. Địa vị xã hội

Một trong những yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến giao tiếp. Một điểm khác biệt nữa, địa vị xã hội khác nhau sẽ đưa đến tư duy khác nhau về cách thức biểu hiện lời khen (từ vựng dùng trong khen), tần suất khen hoặc hoàn cảnh đưa ra lời khen. Chúng ta thấy rằng người nước ngoài thiên về việc biểu lộ tình cảm, ước vọng, sự quyết tâm, cố gắng, sự ngưỡng mộ, hàm ơn của người nói (Sp1) đối với đối tượng giao tiếp, tức là người được khen (Sp2), còn người Việt thì thường đánh giá trực tiếp về năng lực, tính cách, ngoại hình, trạng thái hoạt động của đối tượng giao tiếp để khen ngợi. Bên cạnh đó, người Việt có thói quen đưa ra lời khen về trang phục, về ngoại hình của đối tượng giao tiếp, thậm chí những biến đổi về ngoại hình thường được lấy làm chủ đề khen và những lời khen này được thực hiện như một trong những chiến lược giao tiếp hàng ngày (thay cho lời chào) như: "Kiểu tóc mới này rất hợp với cậu", "Hôm nay trông chị xinh quá?", "Váy chị mặc hôm nay đẹp quá!"... Trong khi đó, người nước ngoài không có thói quen đưa ra lời khen hàng ngày, đặc biệt lại càng không đặt những giá trị chung vào ngôn ngữ biểu hiện của riêng mình, do đó nếu không chắc chắn rằng đối tượng giao tiếp sẽ đón nhận và vui mừng trước những lời đánh giá của mình, họ sẽ không đưa ra lời khen, vì những lời khen như vậy là gượng ép, thiếu tự nhiên.

Xem tiếp trang 217